

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH THƯỢNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS-ST

Ngày 04/6/2021

*“V/v tranh chấp hợp đồng ủy quyền”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lư Quốc Thịnh.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông **Lâm Tấn Đạt.**

2- Ông **Lê Hoàng Vũ.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Thị Thúy Kiều.** Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Thuộc Tr hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 08/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021 và Thông báo v/v dời ngày mở phiên tòa số 02/TB-TA ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn Tr**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp 5, xã KL, huyện U, tỉnh CM. *(có mặt tại phiên tòa)*

2. *Bị đơn:* Anh **Võ Văn T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện U, tỉnh KG. *(xin vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2020 và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Văn Tr trình bày và yêu cầu như sau:*

Ngày 06/3/2020 âm lịch, anh có đem máy cắt liên hợp xuống cắt lúa tại ấp C, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Tại đây anh có quen biết với anh Võ Văn T, hai bên thống nhất thỏa thuận anh T chạy cò cho anh (lãnh đất ruộng cho anh cắt

và gom tiền của các hộ dân), mỗi công anh cắt được sẽ chia (trả hoa hồng) cho anh T số tiền là 20.000đ. Số đất anh T lãnh cắt cho anh được khoảng bốn trăm mấy chục công.

Sau khi cắt xong anh T thu tiền của các hộ dân khoảng hơn một trăm triệu đồng, anh T đưa tiền cho anh còn thiếu lại 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng). Anh T có làm biên nhận đến ngày 06/8/2020 âm lịch sẽ trả dứt điểm số tiền trên cho anh, biên nhận do vợ của anh viết và đưa cho anh T ký tên.

Đến hẹn anh T không trả tiền nên anh yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, nhưng anh T không đến tham gia hòa giải. Anh đã nhiều lần đến gặp anh T yêu cầu thanh toán số tiền trên nhưng anh T không trả. Vì vậy anh khởi kiện yêu cầu anh T trả cho anh số tiền còn nợ 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

*Bị đơn anh Võ Văn T trình bày:* Tại bản tự khai ngày 31/5/2021, anh thừa nhận toàn bộ nội dung sự việc anh Tr khởi kiện đối với anh là đúng, đối với số tiền 27.000.000đ còn nợ lại thì anh chưa giao trả cho anh Tr như cam kết.

Anh yêu cầu được trả số tiền trên cho anh Tr với phương thức là thanh toán hàng tháng, mỗi tháng trả 1.000.000đ cho đến khi trả hết số tiền 27.000.000đ nêu trên.

Do hoàn cảnh đi làm ăn xa không thường xuyên có mặt ở địa phương nên anh xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

*Tại phiên hôm nay:* Anh Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh T trả cho anh số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) và không đồng ý với ý kiến của anh T về việc đề nghị được trả số tiền 27.000.000đ này theo phương thức trả mỗi tháng 1.000.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử ( HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Võ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 31/5/2021 với lý do đi làm thuê không thường xuyên có mặt ở địa phương

nên không trực tiếp tham gia xét xử vụ án. Căn cứ 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Văn T.

[3] Về quan hệ pháp luật: Qua lời trình bày của các đương sự thấy rằng việc anh Tr và anh T thỏa thuận để cho anh T hợp đồng với các hộ dân ở khu vực ấp Cây Bàng nhận cắt, thu hoạch lúa và thu tiền công cắt lúa của các hộ dân này. Đồng thời, anh T có trách nhiệm giao tiền đã nhận của các hộ dân cho anh Tr và hưởng hoa hồng nhưng sau khi thu tiền của các hộ dân thì anh T không giao tiền đủ cho anh Tr nên xảy ra tranh chấp. Trên cơ sở đó, xác định mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng ủy quyền được quy định tại Điều 562 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 06/3/2020 âm lịch, anh Tr có đem máy cắt liên hợp xuống cắt lúa tại ấp C, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Tại đây anh Tr thống nhất thỏa thuận anh T chạy cò cho anh Tr (lãnh đất ruộng cho anh Tr cắt và gom tiền của các hộ dân), mỗi công anh Tr cắt được sẽ chia cho anh T số tiền là 20.000đ (hai mươi nghìn đồng). Sau khi cắt xong anh T thu tiền của các hộ dân khoảng hơn một trăm triệu đồng, anh T đưa tiền cho anh Tr còn thiếu lại 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) đến nay chưa thanh toán.

Tại Bản tự khai ngày 31/5/2021 anh T thừa nhận nội dung sự việc như anh Tr trình bày. Số tiền anh T còn nợ anh Tr là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng). Anh T yêu cầu mỗi tháng trả cho anh Tr 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc anh Tr khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 568 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần được chấp nhận. Đối với yêu cầu xin trả dần của anh T không được anh Tr chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Từ những lẽ trên Hội đồng xét xử thống nhất buộc anh T trả cho anh Tr số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Tr mà anh T không trả hoặc trả không đủ số tiền trên thì còn phải trả cho anh Tr số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của anh Tr được chấp nhận toàn bộ nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là  $27.000.000đ \times 5\% = 1.350.000đ$  (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho anh Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 675.000đ (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo lai thu số 0000599 ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 39, 147, khoản 1 Điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 562, 568 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Tr đối với anh Võ Văn T.

Buộc anh Võ Văn T trả cho anh Trần Văn Tr số tiền là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Tr mà anh T không trả hoặc trả không đủ số tiền trên thì còn phải trả cho anh Tr số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của anh Tr được chấp nhận toàn bộ nên anh Võ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho anh Trần Văn Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 675.000đ (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo lai thu số 0000599 ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/6/2021). Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tổng đạt hợp lệ Bản án.

*Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9*

*Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lư Quốc Thịnh**